

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-HĐTD ngày 23/02/2018 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

Vị trí: Kỹ thuật viên bảo quản

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Số báo danh	Phòng thi số	Miễn thi ngoại ngữ, tin học		Đăng ký thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
				Nam			Nữ					Ngoại ngữ	Tin học			
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trần Thái	Linh	Cục DTNNKV Hà Nội				13	3	1987	120026	11			Anh		
2	Phúc Mạnh	Hùng	Cục DTNNKV Hoàng Liên Sơn				07	8	1994	120022	11			Anh	DT Tày	
3	Phạm Thị Tuyết	Mai	Cục DTNNKV Hoàng Liên Sơn				30	10	1993	120028	11			Anh		
4	Đào Đình	Trọng	Cục DTNNKV Hoàng Liên Sơn	25	04	1995				120052	12			Anh		
5	Hạ Đình	Hợp	Cục DTNNKV Vĩnh Phú	17	01	1995				120021	11			Anh		
6	Nguyễn Lê Mai	Linh	Cục DTNNKV Vĩnh Phú				03	12	1994	120025	11			Anh		
7	Nguyễn Văn	Nho	Cục DTNNKV Vĩnh Phú	08	9	1982				120034	12			Anh		
8	Nguyễn Văn	Phước	Cục DTNNKV Vĩnh Phú	15	9	1991				120038	12			Anh	HTNVQS	
9	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Cục DTNNKV Vĩnh Phú				29	3	1993	120043	12			Anh		
10	Vũ Thị Thu	Thảo	Cục DTNNKV Vĩnh Phú				02	11	1994	120048	12			Anh		
11	Dương Ngọc	Cường	Cục DTNNKV Bắc Thái	28	4	1990				120005	11			Anh		
12	Nguyễn Thùy	Dương	Cục DTNNKV Bắc Thái				19	02	1993	120009	11			Anh		
13	Hoàng Thị	Nga	Cục DTNNKV Bắc Thái				23	8	1995	120031	12			Anh		
14	Đỗ Thị	Nhung	Cục DTNNKV Bắc Thái				25	09	1992	120035	12			Anh		
15	Nguyễn Đức	Quý	Cục DTNNKV Bắc Thái	31	10	1990				120042	12			Anh		
16	Hoàng Thị	Thúy	Cục DTNNKV Bắc Thái				29	10	1991	120049	12			Anh	DT Nùng	
17	Nguyễn Đình	Diện	Cục DTNNKV Hà Bắc	24	12	1994				120006	11			Anh		
18	Đoàn Hương	Giang	Cục DTNNKV Hà Bắc				11	8	1989	120010	11			Anh		

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Số báo danh	Phòng thi số	Miễn thi ngoại ngữ, tin học		Đăng ký thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
				Nam			Nữ					Ngoại ngữ	Tin học			
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Nguyễn Thị	Hằng	Cục DTNNKV Hà Bắc				20	7	1991	120015	11			Anh		
20	Hoàng Thị	Hoài	Cục DTNNKV Hà Bắc				11	8	1995	120020	11			Anh		
21	Phạm Thị	Như	Cục DTNNKV Hà Bắc				9	6	1981	120037	12			Anh	Con BB	
22	Lý Thị	Tâm	Cục DTNNKV Hải Hưng				2	3	1986	120044	12			Anh		
23	Vũ Thị Huyền	Trang	Cục DTNNKV Hải Hưng				21	10	1991	120051	12			Anh		
24	Đặng Thành	Trung	Cục DTNNKV Hải Hưng	13	11	1991				120053	12			Anh		
25	Ngô Gia	Tú	Cục DTNNKV Hải Hưng	25	7	1987				120054	12			Anh		
26	Nguyễn Phương	Hào	Cục DTNNKV Đông Bắc				27	7	1986	120013	11			Anh		
27	Đỗ Văn	Chung	Cục DTNNKV Hà Nam Ninh	06	9	1992				120004	11			Anh		
28	Trần	Thái	Cục DTNNKV Hà Nam Ninh	13	11	1993				120045	12			Anh		
29	Đặng Thị Bích	Phương	Cục DTNNKV Nghệ Tĩnh				20	10	1992	120040	12			Anh		
30	Dương Ngọc	Linh	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên				01	8	1993	120024	11			Anh		
31	Trần Thị	Lương	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên				06	10	1990	120027	11			Anh		
32	Nguyễn Thị Mai	Phương	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên				05	11	1994	120041	12			Anh		
33	Hoàng Thị	Hoa	Cục DTNNKV Đà Nẵng				26	5	1987	120019	11			Anh	Con TB	
34	Nguyễn Thị Thùy	Vân	Cục DTNNKV Đà Nẵng				25	01	1992	120057	12			Anh		
35	Trương Thị Kim	Chi	Cục DTNNKV Nghĩa Bình				12	10	1986	120003	11			Anh	Con TB	
36	Lê Thị Bích	Hạnh	Cục DTNNKV Nghĩa Bình				16	7	1987	120011	11			Anh		
37	Ngô Thị	Hiền	Cục DTNNKV Nghĩa Bình				2	4	1990	120017	11			Anh		
38	Huỳnh Thị Quý	Minh	Cục DTNNKV Nghĩa Bình				8	10	1985	120029	11			Anh		
39	Nguyễn Thị	Thanh	Cục DTNNKV Nghĩa Bình				7	5	1987	120046	12			Anh		
40	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên				26	04	1993	120012	11			Anh		
41	Đặng Thị	Nga	Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên				21	01	1991	120030	11			Anh		
42	Nguyễn Thị	Nhung	Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên				06	08	1990	120036	12			Anh		

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Số báo danh	Phòng thi số	Miễn thi ngoại ngữ, tin học		Đăng ký thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
				Nam			Nữ					Ngoại ngữ	Tin học			
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
43	Hoàng Thị	Thảo	Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên				26	01	1994	120047	12			Anh		
44	Cao Thị Ngọc	Xinh	Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên				02	06	1985	120059	12			Anh		
45	Nguyễn Yến	Chi	Cục DTNNKV TP. HCM				02	07	1995	120002	11			Anh		
46	Đỗ Quang	Dũng	Cục DTNNKV TP. HCM	13	04	1990				120008	11			Anh		
47	Cao Nguyệt	Lan	Cục DTNNKV TP. HCM				26	11	1990	120023	11			Anh		
48	Nguyễn Thị	Ánh	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ				15	7	1985	120001	11			Anh		
49	Ngô Thị Minh	Hân	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ				20	10	1989	120016	11			Anh	Con TB	
50	Lê Văn	Hiếu	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ	09	3	1989				120018	11			Anh		
51	Lê Phương	Nguyên	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ	13	9	1995				120033	12			Anh		
52	Nguyễn Thị Hữu	Phước	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ				04	3	1992	120039	12			Anh		
53	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ				18	01	1989	120055	12			Anh		
54	Trần Thị Bé	Thùy	Cục DTNNKV Cửu Long				01	9	1994	120050	12			Anh		
55	Mai Thùy	Dung	Vụ Khoa học và CNBQ				25	1	1993	120007	11			Anh		
56	Lê Thị	Hằng	Vụ Khoa học và CNBQ				6	4	1993	120014	11			Anh		
57	Phùng Văn	Ngọc	Vụ Khoa học và CNBQ	10	2	1985				120032	12			Anh		
58	Lê Thị Hồng	Vân	Vụ Khoa học và CNBQ				28	4	1990	120056	12			Anh	Con TB	
59	Mạc Thế	Vinh	Vụ Khoa học và CNBQ	3	12	1993				120058	12	x				